TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 03/4/2019
"V/v ly hôn và nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Trọng Sơn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và ông Nguyễn Hoàng Khôi.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hường – Thư ký TAND huyện Krông Nô.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:
Ông Nông Quốc Hùng – c/v: Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2019/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 02 năm 2019 về việc "Ly hôn và nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Út Q (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.
2. Bị đơn: Anh Lê Văn C (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 23/12/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án chị Nguyễn Thị Út Q bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Út Q chung sống với anh Lê Văn Ch từ tháng 4/2014 nhưng đến ngày 3/3/2017 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk. Sau khi kết hôn chị Q, anh C sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn do không hiểu nhau, không cùng quan điểm sống, anh C hay chơi bời không lo làm ăn nên hay xảy ra cãi vã mâu thuẫn xảy ra trầm trọng cuộc sống hôn nhân không đạt được, giữa năm 2016 chị Q, anh C đã ly thân cho đến nay. Nay, chị Q không còn tình cảm với anh C nên chị Q đề nghị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị Q và anh C có một con chung là cháu Lê Nhã T, sinh

ngày 27/11/2015. Chị Q có nguyện vọng được nuôi con và đồng ý cho anh C cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Lê Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C thừa nhận đúng như chị Q đã trình bày, anh C kết hôn với chị Q 3/3/2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk. Sau khi kết hôn anh C, chị Q sống hạnh phúc được khoảng một năm thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không hiểu nhau. Đến năm 2018 anh C, chị Q đã sống ly thân cho đến nay. Trước yêu cầu ly hôn của chị Q, anh C đồng ý ly hôn nhưng do anh C theo đạo nên không thể ký vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được.

Về con chung: Quá trình chung sống anh C, chị Q có một con chung là cháu Lê Nhã T sinh ngày 27/11/2015, anh C có nguyện vọng giao con cho chị Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh C có nguyện vọng được cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, anh C có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Krông Nô phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khâu thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Út Quyên ly hôn với anh Lê Văn Chung.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lê Nhã T sinh ngày 27/11/2015, cho chị Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, buộc anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Út Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Lê Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: chị Nguyễn Thị Út Q khởi kiện ly hôn với anh Lê Văn C. Chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung. Tại thời điểm chị Q khởi kiện anh C có nơi

cư trú tại thôn Phú Thuận, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, giữa các đương sự không có sự thỏa thuận về Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Út Q và anh Lê Văn C kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 3/3/2017 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Út Q: Năm 2017 chị Q, anh C kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được hơn một năm thì xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã mâu thuẫn xảy ra trầm trọng cuộc sống hôn nhân không đạt được. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương từ cả hai phía vợ, chồng; dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau. Chị Q, anh C không còn tình cảm yêu thương, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Q.

[2] Về con chung: Chị Q, anh C có một con chung là Lê Nhã T sinh ngày 27/11/2015, chị Q có nguyện vọng được nuôi con đồng thời anh C cũng có nguyện vọng giao con cho chị Q nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao con Lê Nhã T cho chị Q nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Quá trình giải quyết anh C có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành, Chị Q đồng ý để anh C cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng ngày 15 hàng tháng bắt đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng của các đương sự.

[3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị Út Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; anh Lê Văn C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Út Q ly hôn anh Lê Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Nhã T, sinh ngày 27/11/2015, cho chị Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về cấp dưỡng nuôi con, anh C cấp dưỡng cho con Lê Nhã T 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi (về nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình).

Thời gian: Ngày 15 hàng tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

Anh Lê Văn C có quyền thăm nom con chung, không được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh C có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Út Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Q đã nộp theo biên lai số 0003150 ngày 12/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô. Anh Lê Văn C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

QUÁCH TRỌNG SƠN

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS H. Krông Nô;
- UBND P.A, TX. B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**